

QUAN ĐIỂM ĐỐI CHIẾU HÀNH VI NGÔN NGỮ THEO DỤNG HỌC VÀ DỤNG HỌC GIAO VĂN HÓA

TS. Chu Thị Thanh Tâm
Bộ môn Ngôn ngữ & Văn hoá Việt Nam

Dù ở cấp độ nào của ngôn ngữ, ngữ nghĩa bao giờ cũng được xem như đích cuối cùng mà người sử dụng ngôn ngữ cần đạt tới trong giao tiếp, tức họ muốn diễn đạt điều muốn nói và nghe hiểu được nghĩa của người kia muốn truyền đạt. Khi nghiên cứu ngữ nghĩa, các nhà nghiên cứu ngày nay đã thực sự quan tâm gắn nó với kết học và dụng học, từ dụng học lại nảy sinh dụng học giao văn hoá, liên văn hoá và xuyên văn hoá, đặc biệt trong so sánh đối chiếu bản ngữ với ngoại ngữ. Đối chiếu ở cấp độ từ và câu đã có nhiều công trình thực hiện thành công, vậy còn đối với cấp độ hành vi ngôn ngữ chúng ta có thể bắt đầu từ đâu?

Có lẽ, điều chúng tôi muốn làm rõ đầu tiên đó là phân biệt câu và hành vi ngôn ngữ. Khái niệm *câu* thuộc về ngữ pháp truyền thống, đã có bề dày nghiên cứu về cả hai phương diện: Cấu trúc và chức năng. Song cũng phải thừa nhận còn một số vấn đề bỏ ngỏ hoặc để lửng do không lý giải được, sau này người ta cho hết vào cái “sọt dụng học”. Vì thế sự lúng túng là không thể tránh khỏi trong quá trình tìm tòi phân tích đối chiếu một cấp độ cao hơn câu là hành vi ngôn ngữ.

Điều mọi người dễ chấp nhận rằng mỗi hành vi ngôn ngữ đều được thể hiện ra bằng một câu hoặc ít nhất một phát ngôn, nghĩa là cái cốt lõi của hành vi là câu – phát ngôn và ngữ pháp truyền thống đã dừng ở việc phân tích cấu trúc câu như ở các công trình chúng ta đã từng biết. Song Dụng học đã đẩy việc phân tích cao hơn và xem xét câu – phát ngôn lúc này thật rộng rãi, đến mức đôi khi khiến người nghiên cứu hoang mang. Cái thúc đẩy đến sự khác biệt hơn hẳn khi phân tích hành vi là yếu tố sử dụng câu – phát ngôn trong giao tiếp, đồng thời tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa – tất yếu xảy ra trong giao tiếp và giao văn hoá như ngữ cảnh tình huống, ngữ cảnh văn hoá và đối ngôn v.v...

Vậy nên có một số vấn đề cần thiết khi đối chiếu hành vi ngôn ngữ chúng ta phải chú ý, đó là:

1. Cấu trúc câu- phát ngôn
2. Ngữ cảnh tình huống và ngữ cảnh văn hoá
3. Vai giao tiếp hay đối ngôn, quan hệ liên nhân
4. Hiệu lực ở lời được thể hiện ở chức năng hành vi ngôn ngữ

Ví dụ phân tích trường hợp đối chiếu hành vi hỏi gián tiếp tiếng Việt và tiếng Anh (hai ngôn ngữ có nhiều sự đối lập về đặc điểm loại hình)

Hành vi hỏi với biểu thức ngôn ngữ tương ứng với nó đã được cú pháp tiền dụng học cũng như cú pháp học chịu ảnh hưởng của dụng học nghiên cứu khá kĩ. ở đây chúng tôi chỉ bàn thêm về hành vi hỏi theo quan điểm dụng học và dụng học giao văn hoá

1. Hành vi hỏi trực tiếp

Theo Searle, một hành vi hỏi chân thực được thực hiện trong các điều kiện sử dụng như sau:

- Điều kiện chuẩn bị: Người hỏi có một điều gì đó mà anh ta chưa có được những thông tin đầy đủ về nó.
- Điều kiện căn bản: Người hỏi thực hiện hành vi hỏi để cố gắng nhận được thông tin, lời giải đáp cần thiết [1]

Cũng như các hành vi ngôn ngữ khác, hành vi hỏi có đích riêng, chúng tôi gọi là đích tự thân của các hành vi ngôn ngữ. Đích tự thân của hành vi hỏi được thể hiện trong điều kiện chân thành và căn bản. Căn cứ vào nội dung, điều kiện chân thành và căn bản chúng tôi thấy đối với câu hỏi chân thực thì đích tự thân hướng về người hỏi, phục vụ lợi ích của người hỏi.

Xét về nội dung được đưa ra để hỏi, Searle gọi là điều kiện mệnh đề, còn chúng tôi sẽ kí hiệu là X, X ở đây có thể là *hỏi về sự tồn tại*, sự có mặt của một cái gì đó hoặc là *hỏi về một phương diện nào đó của cái gì đó* mà cả người hỏi cả người được hỏi đều đã biết về sự tồn tại, sự có mặt của chúng. Hành vi hỏi được thể hiện qua câu- phát ngôn hỏi. Sự nhận diện về hình thức câu hỏi tiếng Anh theo William Bright và nhiều nhà ngôn ngữ đồng tình với ông thường có đặc điểm là:

- Ngữ điệu lên giọng ở cuối câu đối với loại câu hỏi Có – Không.
- Các từ nghi vấn đứng ở vị trí đầu câu hoặc vị trí trước động từ
- Đảo vị trí của động từ làm vị ngữ lên trước chủ ngữ

Về nội dung ông cho rằng mỗi câu hỏi cần có phản ứng đáp lại nào đó, hoặc đòi hỏi người nghe cung cấp thông tin, hoặc đòi hỏi họ sự đồng tình hay phản đối.

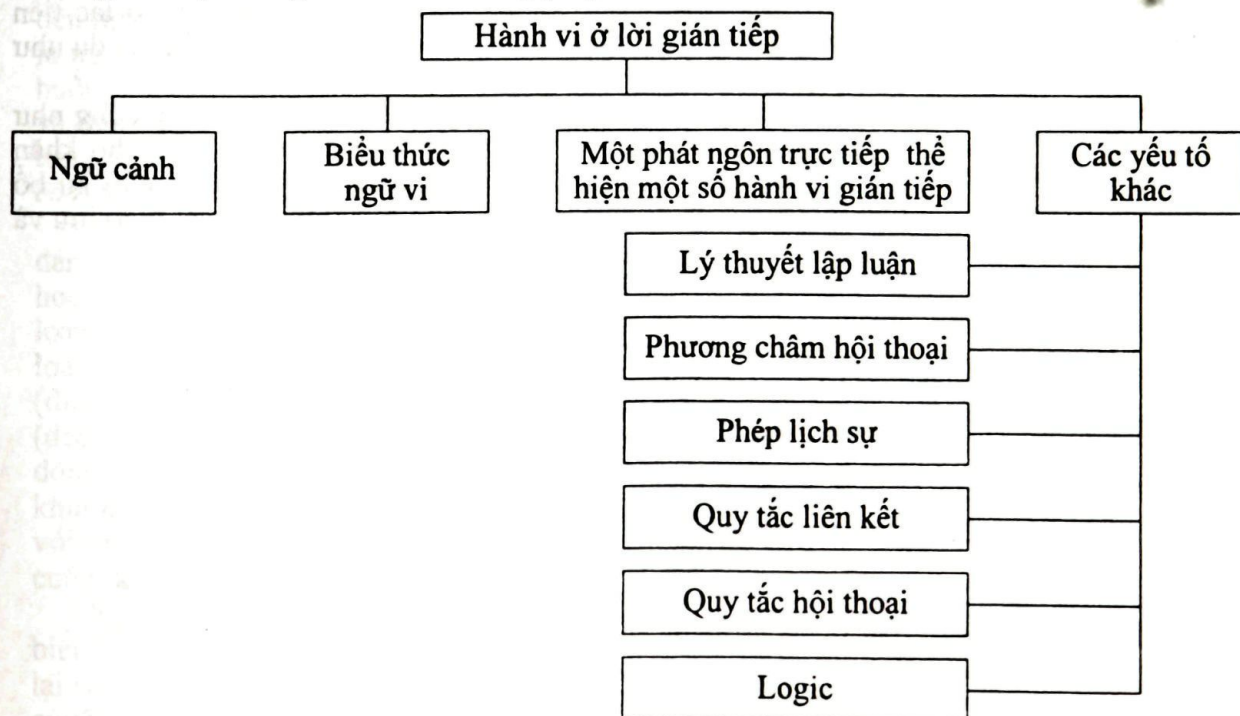
GS Hoàng Trọng Phiến thì cho rằng nội dung ngữ nghĩa của câu hỏi nói chung trong các ngôn ngữ được tạo ra bởi hai nhân tố:

- Sự hiện diện của cái không rõ
- Sự có mặt của ý chỉ hoặc động cơ nhu cầu ý chỉ (nguyện vọng của người hỏi)

Đối với tiếng Việt lại có cách nhận ra hành vi hỏi theo đặc điểm riêng, ví dụ như có từ để hỏi thay cho việc lên giọng ở cuối câu (có – không, có – chưa, có – phải không, đã – chưa...) hay các tiêu từ tình thái đứng ở cuối câu như “à”, “ừ” “hả, hờ, hừ” “gi”, “gì thế” “gì cơ”, hoặc cũng có khi từ dùng để hỏi đứng ở đầu câu hoặc cuối câu như “đâu”, “nào”, “mấy”, “ai”, “bao giờ”, “có lẽ nào”, “sao vậy”. Câu hỏi lựa chọn cũng là kiểu phổ biến trong các ngôn ngữ (A hay B?)

2. Hành vi hỏi gián tiếp

Nếu là hành vi hỏi gián tiếp thì đích của hỏi sẽ không tuân thủ hai điều kiện sử dụng đã nêu trên về hành vi hỏi chân thực của Searle. Đương nhiên hành vi ở lời gián tiếp trước hết phải là ngữ nghĩa được nhận ra từ ngữ nghĩa của hành vi ở lời trực tiếp, song không phải chỉ có vậy. Nói như trên, đã phân tích hành vi ngôn ngữ thì phải tính đến ngoài yếu tố nội ngôn ra còn là cận ngôn và ngoại ngôn, yếu tố giao văn hoá, bởi nhờ chính nó người ta mới nhận ra chức năng gián tiếp của câu trúc và đồng thời không thể không nói đến khả năng suy luận của bản thân đối ngôn. Để xác lập và tiếp nhận hành vi ở lời gián tiếp chúng tôi tóm tắt trong [1] của GS Đỗ Hữu Châu như sau:



Nhìn vào sơ đồ cho thấy để nhận ra một hành vi gián tiếp phải hội đủ những yếu tố, đối với người bản ngữ đôi khi còn nhầm lẫn, còn đối với người nước ngoài chắc không

ít khó khăn. Ngoại trừ một số hành vi gián tiếp nhưng được lặp lại nhiều lần trong từng văn hoá thì người ta có thể nhận ra như hỏi về một số thứ thay cho lời chào: Tiếng Việt có “Anh đi đâu đấy?”, “Bác ăn cơm chưa?”, “Cô làm gì thế?”, “Ông có khoẻ không?”; Tiếng Anh có “How are you?” “How do you do?”; Tiếng Trung có “Ni shang nar?”, “Shang ban ma?” v.v...

3. Những điều cần lưu ý khi đối chiếu một hành vi gián tiếp như hành vi hỏi

Như phân tích sơ bộ cho thấy hành vi gián tiếp là địa hạt nghiên cứu còn nhiều tranh luận, nhiều phức tạp “nếu không phải là của những phù phép thì cũng đầy cạm bẫy: Dưới đám cỏ trườn những con rắn của những châm biếm, bóng gió, ngụ ý, của biểu tượng hai mặt. Phép lịch sự tuyệt hảo với sự giấu cợt bắt tay nhau”. [1]. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải từng bước lý giải chúng vì một sự thật: trong giao tiếp thường nhật, chúng ta truyền báo được nhiều hơn điều mình nói ra (more to be communicated than is actually said – GM. Green) [1]

3.1. Trước hết, thống kê lại cấu trúc các kiểu câu hỏi trong tiếng Việt hay tiếng Anh của các công trình đi trước

3.2. Hạn định khảo sát, miêu tả theo một số chủ đề, ví dụ hỏi về thời gian, sức khoẻ, tuổi tác, công việc của vai trên – vai dưới và ngược lại

3.3. Phân tích các tình huống cụ thể của những hành vi hỏi trong phạm vi chủ đề trên

3.4. Cần dựa vào cơ chế tạo ra nghĩa hàm ẩn:

- Sự vi phạm quy tắc chiếu vật và chỉ xuất
- Vi phạm quy tắc lập luận
- Vi phạm quy tắc hội thoại
- Tiền giả định Dụng học bách khoa và TGD ngôn ngữ (từ vựng học, cú pháp học

4. Yếu tố văn hoá - điều kiện để nắm bắt hành vi hỏi gián tiếp

Sự khác nhau về văn hoá có thể dẫn đến những kiểu quan hệ giữa cấu trúc và chức năng rất khác nhau về hành vi hỏi gián tiếp trong cùng phạm vi khảo sát và cố định về đối ngôn. Ví dụ trong văn hoá Việt, hỏi đề chào thì đương nhiên không phải trả lời vào đề tài hỏi, cũng như người Anh hỏi về sức khoẻ đề chào thì cũng không nhất thiết phải trả lời về tình hình sức khoẻ và trách họ là hỏi “đãi bôi”. Đây chính là điểm chúng tôi cần nghiên cứu để tìm ra nét giao thoa văn hoá thể hiện qua hành vi ngôn ngữ gián tiếp.

Trên đây là một vài lưu ý bước đầu về lý thuyết cũng như thực tiễn thao tác tiến hành việc nghiên cứu đối chiếu đối với một hành vi ngôn ngữ gián tiếp cụ thể, ví dụ như hành vi hỏi gián tiếp.

Nghiên cứu đối chiếu hành vi ngôn ngữ gián tiếp trong đời sống giao tiếp cũng như trong dạy – học ngoại ngữ là vô cùng cần thiết, bởi vậy cho dù gặp nhiều khó khăn nhưng chúng ta không thể không làm. Hy vọng, sau mỗi công trình nghiên cứu lại bổ sung thêm những kiến thức bổ ích về ngôn ngữ và văn hoá nhằm thúc đẩy sự giao lưu và hiểu biết lẫn nhau ngày càng tốt hơn.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Hữu Châu. Tuyển tập Đại cương – Ngữ dụng học – Ngữ pháp văn bản. NxbGD, 2005
Nguyễn Quang. Giao tiếp và giao tiếp giao văn hoá. Nxb ĐHQG Hà Nội, 2002
Lê Quang Thiêm. Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ. Nxb ĐHQGHN, 2004